|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN HẢI AN  **TRƯỜNG TIỂU HỌC THÀNH TÔ**  Số: / BC - THTT | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Thành Tô, ngày 26 tháng 05 năm 2022* |

**BÁO CÁO**

**Tổng kết năm học 2021 – 2022; phương hướng năm học 2022-2023**

**I. QUY MÔ TRƯỜNG LỚP NĂM HỌC 2021-2022**

**1. Quy mô trường lớp**

Tổng số học sinh: 956 tương ứng 24 lớp (tăng 26 HS so với năm học trước. Trong đó:

* Số học sinh khuyết tật: 02
* Số học sinh học 2 buổi/ngày: 678 (70,9 %)

- Số học sinh học ngoại ngữ: 956 ( 100%)

- Số học sinh học tin học: 445 (47%)

**2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên**

***2.1. Số lượng và cơ cấu***

- Tổng số CBQL: 02 đ/c.

- Tổng số giáo viên: 33 đ/c, trong đó:

+ Biên chế: 30 đ/c (Văn hóa: 24 đ/c; Âm nhạc: 01 đ/c; Mỹ thuật: 03 đ/c; Thể dục: 0; Tin học: 0; Ngoại ngữ: 02 đ/c, Tổng phụ trách: 0 đ/c)

+ Hợp đồng: 03 đ/c

+ Nhân viên Hợp đồng: 07 (01 kế toán; 01 văn thư quản trị mạng; 02 Lao công; 03 bảo vệ.

Chia ra số lượng giáo viên cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Giáo viên | Tổng số | Biên chế | Hợp đồng | Còn thiếu |
| Tiểu học | 26 | 24 | 02 | 1 |
| Âm nhạc | 1 | 1 | 0 |  |
| Mỹ thuật | 3 | 3 | 0 |  |
| Tiếng Anh | 2 | 2 | 0 |  |
| Thể dục | 0 | 0 | 0 |  |
| Tin học | 1 | 0 | 01 |  |
| **Tổng** | **33** | **30** | **03** | **1** |

***2.2 Trình độ chuyên môn***

Tổng số CBQL và giáo viên: 35, chia ra trình độ:

+ Thạc sĩ: 3/35 đạt tỷ lệ 8,6%

+ Đại học: 32/35 đạt tỷ lệ 91,4%

+ Cao đẳng: 0 đạt tỷ lệ 0%

+ Trung cấp: 0 đạt tỷ lệ 0%

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2021-2022**

***1. Thực hiện nội dung các cuộc vận động và phong trào thi đua***

***1.1. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.***

*\* Đối với CBGV, NV:*

- 100% CBGV, NV đều xây dựng và thực hiện nghiêm túc kế hoạch học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo các nhiệm vụ được phân công từ đó việc thực hiện lề lối, quy chế, trách nhiệm cá nhân trong việc thực nhiệm vụ được giao hiệu quả hơn.

- 01 GV được Ban chấp hành Đoàn TNCS HCM thành phố Hải Phòng tặng Bằng khen đạt giải thưởng "Nhà giáo trẻ tiêu biểu" cấp thành phố năm 2021.

\* Đối với HS: 100% HS đều tích cực học và làm theo 5 điều Bác Hồ dạy.

***1.2. Xây dựng Trường học thân thiện - học sinh tích cực.***

- 100% CBGV-NV thực hiện mô hình "Cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh ngành giáo dục quận Hải An thực hiện tốt thông tin truyền thông, giáo dục, phòng chống ma túy – HIV – AIDS - tội phạm và tệ nạn xã hội" của ngành GD&ĐT quận Hải An.

- 100% CBGV,NV, HS nghiêm túc thực hiện nền nếp, giữ gìn cảnh quan, vệ sinh, trang trí trong lớp học theo hướng thân thiện, sạch đẹp, văn minh.

***1.3.* *Cuộc vận động "Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức tự học và sáng tạo".***

- 100% CBGV-NV đều tự xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cá nhân căn cứ thực tế của lớp, của nhà trường theo modum dành cho bậc Tiểu học.

**2. Thực hiện chương trình và kế hoạch giáo dục**

***2.1. Thực hiện chương trình:***

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục đảm bảo nội dung các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc; xin chủ trương triển khai môn Tin học đối với lớp 4,5; Câu lạc bộ, kỹ năng sống, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài; bóng rổ, cờ vua, đá cầu...các hoạt động giáo dục phù hợp với nhu cầu năng lực, sở thích, phát huy tính tích cực chủ động, tự giác, phù hợp với lứa tuổi và điều kiện của nhà trường.

- Điều chỉnh nội dung dạy học hợp lý; Thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực, đảm bảo yêu cầu chuẩn kiến thức kỹ năng.

- Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường theo nhiều phương án để ứng phó với dịch Covid-19.

- Triển khai kế hoạch giáo dục đảm bảo phân bổ hợp lý giữa các nội dung giáo dục, giúp học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt; sắp xếp thời khóa biểu hợp lý, khoa học, đảm bảo về thời lượng.

***2.2. Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1,2.***

- Căn cứ Hướng dẫn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học;

+ Nội dung dạy học: Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc theo quy định của Chương trình.

+ Chủ động xác định nội dung, hình thức tổ chức, phân bổ thời lượng cho các nội dung dạy học trên cơ sở thực hiện đầy đủ nội dung, thời lượng các môn học bắt buộc theo quy định của chương trình.

- Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 2325/CT-BGDĐT ngày 28/6/2013 về việc chấn chỉnh tình trạng dạy học trước chương trình lớp 1; Chỉ thị số 5105/CT-BGDĐT ngày 03/11/2014 về việc chấn chỉnh tình trạng dạy thêm, học thêm đối với giáo dục tiểu học; Công văn số 2449/BGDĐT-GDTH ngày 27/5/2016 về việc khắc phục tình trạng chạy trường, chạy lớp. Tinh giản các cuộc thi dành cho giáo viên và học sinh theo Công văn số 1915/BGDĐT-GDTrH ngày 05/5/2017.

- Xây dựng theo hướng mở, đảm bảo định hướng thống nhất và những nội dung giáo dục cốt lõi bắt buộc đối với học sinh toàn quốc, đồng thời trao quyền chủ động và trách nhiệm cho địa phương, nhà trường trong việc lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh một số nội dung giáo dục và triển khai kế hoạch giáo dục phù hợp với đối tượng giáo dục và điều kiện của địa phương, của nhà trường, góp phần đảm bảo kết nối hoạt động của nhà trường và gia đình, chính quyền và xã hội.

- Thực hiện nghiêm túc Hướng dẫn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học;

***2.3. Triển khai linh hoạt, hiệu quả chương trình giáo dục hiện hành (lớp 3,4,5)***

- Tiếp tục thực hiện đổi mới đánh giá học sinh (K3->K5) theoThông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 3, lớp 4 và lớp 5 theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh theo hướng dẫn tại Công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017. Cụ thể:

- Xây dựng kế hoạch giáo dục đảm bảo phân bổ hợp lý giữa các nội dung giáo dục, giúp học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình; tạo điều kiện cho học sinh được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện

- Điều chỉnh nội dung dạy học một cách hợp lý nhằm đáp ứng yêu cầu, mục tiêu giáo dục tiểu học, phù hợp với đối tượng học sinh đồng thời từng bước thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực của học sinh trên nguyên tắc: đảm bảo yêu cầu chuẩn kiến thức, kĩ năng và phù hợp điều kiện thực tế; rà soát, tinh giản những nội dung chồng chéo, trùng lặp giữa các môn học, giữa các khối lớp; sắp xếp, điều chỉnh nội dung dạy học theo các chủ đề học tập phù hợp với đối tượng học sinh; không cắt xén cơ học, tập trung vào đổi mới phương pháp dạy và học, đổi mới cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục sao cho nhẹ nhàng, tự nhiên, hiệu quả nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh. Đối với lớp 5, thực hiện điều chỉnh kế hoạch dạy học theo hướng dẫn tại Công văn số 3799/BGDĐT-GDTH ngày 01/9/2021 của Bộ GD&ĐT.

- Xây dựng thời khóa biểu đảm bảo tỉ lệ hợp lí giữa các nội dung dạy học và hoạt động giáo dục theo đúng tinh thần hướng dẫn tại Công văn số 2620/SGDĐT-GDTH ngày 10/9/2020 của Sở GD&ĐT quy định một số nội dung cụ thể về công tác chuyên môn và các họat động khác

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ, chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng ma trận, giáo viên ra đề theo ma trận đã được xây dựng. Đề kiểm tra đảm báo yêu cầu theo 4 mức độ: Nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng sáng tạo; Kết hợp giữa tự luận và trắc nghiệm khách quan, đảm bảo sự phù hợp đối tượng học sinh theo thừng khối lớp.

- Dự giờ thăm lớp kiểm tra việc đánh giá học sinh của mỗi giáo viên để hỗ trợ, tư vấn nâng cao năng lực cho giáo viên về kỹ thuật đánh giá thường xuyên.Việc kiểm tra, đánh giá nhằm mục đích biết học sinh học như thế nào và vận dụng ra sao để giáo viên chủ động điều chỉnh phương pháp dạy học linh hoạt, hiệu quả hơn; thúc đẩy sự tiến bộ về năng lực và phẩm chất của học sinh.

- Thực hiện bàn giao chất lượng giáo dục cuối năm học nghiêm túc, không khen thưởng tràn lan gây mất lòng tin và gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội.

***2.4. Chuẩn bị đội ngũ giáo viên lớp 3 (khối lớp sẽ thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 từ năm học 2022-2023).***

- Xây dựng kế hoạch tập huấn bồi dưỡng.

- Chọn cử giáo viên cốt cán, giáo viên đảm nhiệm dạy khối lớp 3 đảm bảo đủ số lượng và chất lượng để thực hiện kế hoạch bồi dưỡng.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch sinh hoạt chuyên môn, hướng dẫn giáo viên tham gia tổ, nhóm chuyên môn cùng xây dựng kế hoạch cá nhân, kịp thời phát hiện thuận lợi, khó khăn và đề xuất những biện pháp giải quyết khó khăn về chuyên môn, nghiệp vụ khi thực hiện chương trình sách giáo khoa mới.

***2.5. Dạy học đối với môn Tiếng Anh***

Triển khai Chương trình môn tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2 đảm bảo các yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và Công văn số 681/BGDĐT-GDTH ngày 04/3/2020 với thời lượng 70 tiết/lớp/năm học căn cứ trên nhu cầu tự nguyện của học sinh, cha mẹ học sinh và điều kiện đảm bảo về giáo viên, cơ sở vật chất.

- Tiếp tục triển khai Chương trình thí điểm Tiếng Anh Tiểu học ban hành theo Quyết định số 3321/QĐ-BGDĐT ngày 12/8/2010 và các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT, văn bản hướng dẫn của Sở GD&ĐT. Tổ chức dạy tiếng Anh 4 tiết/tuần cho học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5.

- Tăng cường tổ chức các hoạt động giao lưu, ngoại khóa, câu lạc bộ,…tạo các sân chơi, giao lưu tiếng Anh; phát động phong trào giáo viên các môn học khác cùng tham gia học tiếng Anh với học sinh...

- Thực hiện việc kiểm tra đánh giá theo quy định; chú trọng thực hiện đánh giá thường xuyên; bài kiểm tra định kỳ cần đánh giá đủ các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết.

- Phối hợp với các Trung tâm ngoại ngữ được thành phố thẩm định, cấp phép hoạt động triển khai dạy học ngoại ngữ có yếu tố người nước ngoài; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình liên kết.

- Thực hiện những chương trình dạy học Tiếng Anh:

| **Khối/lớp** | **Chương trình** |
| --- | --- |
| Khối 1/4 lớp/170 học sinh (đạt 100%) | Phonics Smart |
| Khối 2/5 lớp/190 học sinh (đạt 100%) | Phonics Smart |
| Khối 3/5 lớp/171học sinh (đạt 100%) | Chương trình Tiếng Anh 3  của Bộ Giáo dục và Đào tạo. |
| Khối 4/5 lớp/229 học sinh (đạt 100%) | Chương trình Tiếng Anh 4  của Bộ Giáo dục và Đào tạo. |
| Khối 5/5 lớp/196 học sinh (đạt 100%) | Chương trình Tiếng Anh 5  của Bộ Giáo dục và Đào tạo. |

***2.6. Dạy học Tin học***

- Tổ chức dạy học môn Tin học các lớp 3, 4, 5 theo tinh thần chỉ đạo tại Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GD&ĐT với thời lượng 70 tiết/lớp/năm học, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và trên cơ sở nhu cầu và tự nguyện đăng ký của phụ huynh học sinh. học sinh khối 3,4,5 được học tin học (445 học sinh/18 lớp đạt 47%).

- Phối hợp chặt chẽ với các trung tâm trong việc lựa chọn các tài liệu đã được Bộ GD&ĐT thẩm định cho phép sử dụng trong dạy học môn Tin học theo hướng dẫn tại Công văn số 3031/BGDĐT-GDTH ngày 17/7/2017 phù hợp với điều kiện dạy học; kiểm tra, giám sát giáo viên khi đến dạy tại trường, đảm bảo dạy học theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh.

- Đẩy mạnh các hoạt động giáo dục có nội dung Tin học - Công nghệ thông tin dưới hình thức các câu lạc bộ để học sinh được tiếp cậncác thiết bị công nghệ thông và hình thành các kĩ năng kiểm tra an toàn về điện, kỹ năng sử dụng thiết bị điện, thiết bị điện tử để học trực tuyến an toàn; hình thành các kĩ năng ứng dụng công nghệ thông tin vào học tập.

- Rà soát năng lực công nghệ thông tin đảm bảo đầy đủ điều kiện về đường truyền, thiết bị dạy học trực tuyến. Có kế hoạch hỗ trợ học sinh học trực tuyến khi phải thực hiện các biện pháp giãn cách phòng chống dịch bệnh.

***2.7. Kết quả học tập rèn luyện của học sinh.***

*a. Đánh giá định kỳ về học tập (Thông tư 22 dành cho HS từ lớp 3 đến lớp 5)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Môn học** | **Hoàn thành tốt** | | **Hoàn thành** | | **Chưa hoàn thành** | |
| **Số lượng** | ***Tỷ lệ (%)*** | **Số lượng** | ***Tỷ lệ (%)*** | **Số lượng** | ***Tỷ lệ (%)*** |
| Toán | **984** | *73.9* | **348** | *26.1* | 0 | *0%* |
| Tiếng Việt | **1128** | *84.7* | **204** | *15.3* | 0 | *0%* |
| Mỹ thuật | **1054** | *79.1* | **278** | *20.9* | 0 | *0%* |
| Âm nhạc | **1093** | *82.1* | **239** | *17.9* | 0 | *0%* |
| Thể dục | **1244** | *93.4* | **88** | *6.6* | 0 | *0%* |
| Đạo đức | **1255** | *94.2* | **77** | *5.8* | 0 | *0%* |
| Thủ công | **378** | *90.4* | **40** | *9.6* | 0 | *0%* |
| Kỹ thuật | **832** | *91.0* | **82** | *9.0* | 0 | *0%* |
| Tự nhiên - Xã hội | **372** | *89.0* | **46** | *11.0* | 0 | *0%* |
| Khoa học | **800** | *87.5* | **114** | *12.5* | 0 | *0%* |
| Lịch sử & Địa lý | **792** | *86.7* | **122** | *13.3* | 0 | *0%* |
| Ngoại ngữ | **957** | *71.8* | **375** | *28.2* | 0 | *0%* |

*b. Đánh giá định kỳ về năng lực (Thông tư 22 dành cho HS từ lớp 3 đến lớp 5)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năng lực** | **Tốt** | | **Đạt** | | **Cần cố gắng** | |
| **Số lượng** | ***Tỷ lệ (%)*** | **Số lượng** | ***Tỷ lệ (%)*** | **Số lượng** | ***Tỷ lệ (%)*** |
| Tự phục vụ, tự quản | **1276** | *95.8* | **56** | *4.2* | 0 | *0%* |
| Hợp tác | **1254** | *94.1* | **78** | *5.9* | 0 | *0%* |
| Tự học và giải quyết vấn đề | **1191** | *89.4* | **141** | *10.6* | 0 | *0%* |

*c. Đánh giá định kỳ về phẩm chất (Thông tư 22 dành cho HS từ lớp 2 đến lớp 5)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phẩm chất** | **Tốt** | | **Đạt** | | **Cần cố gắng** | |
| Số lượng | ***Tỷ lệ (%)*** | Số lượng | ***Tỷ lệ (%)*** | Số lượng | ***Tỷ lệ (%)*** |
| Chăm học, chăm làm | **1207** | *90.6* | **125** | *9.4* | 0 | *0%* |
| Tự tin, trách nhiệm | **1256** | *94.3* | **76** | *5.7* | 0 | *0%* |
| Trung thực, kỷ luật | **1303** | *97.8* | **29** | *2.2* | 0 | *0%* |
| Đoàn kết, yêu thương | **1322** | *99.2* | **10** | *0.8* | 0 | *0%* |

*d. Đánh giá định kỳ về học tập(Thông tư 27 dành cho học sinh lớp 1, 2)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Môn học** | **Hoàn thành tốt** | | **Hoàn thành** | | **Chưa hoàn thành** | |
| **Số lượng** | ***Tỷ lệ (%)*** | **Số lượng** | ***Tỷ lệ (%)*** | **Số lượng** | ***Tỷ lệ (%)*** |
| Toán | **695** | *85.7* | **110** | *13.6* | **6** | *0.7* |
| Tiếng Việt | **665** | *82.0* | **135** | *16.6* | **11** | *1.4* |
| Mỹ thuật | **740** | *91.2* | **69** | *8.5* | **2** | *0.2* |
| Âm nhạc | **720** | *88.8* | **89** | *11.0* | **2** | *0.2* |
| Giáo dục thể chất | **773** | *95.3* | **36** | *4.4* | **2** | *0.2* |
| Đạo đức | **758** | *93.5* | **51** | *6.3* | **2** | *0.2* |
| Tự nhiên - Xã hội | **767** | *94.6* | **42** | *5.2* | **2** | *0.2* |
| Hoạt động trải nghiệm | **762** | *94.0* | **47** | *5.8* | **2** | *0.2* |
| Ngoại ngữ | **721** | *88.9* | **87** | *10.7* | **3** | *0.4* |

*e. Đánh giá định kỳ về năng lực (Thông tư 27 dành cho học sinh lớp 1, 2)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năng lực** | **Tốt** | | **Đạt** | | **Cần cố gắng** | |
| **Số lượng** | ***Tỷ lệ (%)*** | **Số lượng** | ***Tỷ lệ (%)*** | **Số lượng** | ***Tỷ lệ (%)*** |
| **Năng lực chung** | | | | | | |
| Tự chủ và tự học | **763** | *94.1* | **46** | *5.7* | **2** | *0.2* |
| Giao tiếp hợp tác | **775** | *95.6* | **34** | *4.2* | **2** | *0.2* |
| Giải quyết vấn đề và sáng tạo | **747** | *92.1* | **61** | *7.5* | **3** | *0.4* |
| **Năng lực đặc thù** | | | | | | |
| Ngôn ngữ | **763** | *94.1* | **46** | *5.7* | **2** | *0.2* |
| Tính toán | **743** | *91.6* | **66** | *8.1* | **2** | *0.2* |
| Khoa học | **777** | *95.8* | **32** | *3.9* | **2** | *0.2* |
| Thẩm mĩ | **785** | *96.8* | **24** | *3.0* | **2** | *0.2* |
| Thể chất | **796** | *98.2* | **13** | *1.6* | **2** | *0.2* |

*f. Đánh giá định kỳ về phẩm chất (Thông tư 27 dành cho học sinh lớp 1, 2)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phẩm chất** | **Tốt** | | **Đạt** | | **Cần cố gắng** | |
| **Số lượng** | ***Tỷ lệ (%)*** | **Số lượng** | ***Tỷ lệ (%)*** | **Số lượng** | ***Tỷ lệ (%)*** |
| Yêu nước | **809** | *99.8* | **2** | *0.2* | **0** | 0% |
| Nhân ái | **807** | *99.5* | **4** | *0.5* | **0** | 0% |
| Chăm chỉ | **758** | *93.5* | **51** | *6.3* | **2** | *0.2* |
| Trung thực | **804** | *99.1* | **7** | *0.9* | **0** | 0% |
| Trách nhiệm | **775** | *95.6* | **34** | *4.2* | **2** | *0.2* |

***g. Khen thưởng cuối năm học:***

- Khối 1,2: HSXuất sắc: 608 học sinh/811 HS (đạt 74,8%); HS tiêu biểu: 76 HS/811 HS (đạt 9,3%).

- Khối 3,4,5: HS hoàn thành Xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện: 851 HS/1332 HS (đạt 63,8%); HS có tiến bộ vượt trội hay tiến bộ vượt bậc về ít nhất 1 phẩm chất, năng lực: 442 HS/1332 HS (đạt 33,1%).

***2.8. Việc triển khai dạy học 2 buổi/ngày***

- Thực hiện nghiêm túc thời lượng và chương trình giảng dạy 2 buổi/ngày.

- Học sinh học 2 buổi/ngày được ăn bán trú tại trường, đảm bảo cơ sở vật chất và thực đơn theo đúng quy định.

- Thực hiện các chế độ chính sách đối với CBGV-NV đúng theo quy định của nhà nước.

***2.9. Việc tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động ngoài giờ chính khóa, các hoạt động phát triển năng lực cho học sinh.***

- 100% CBGV-NV thực hiện tốt quy tắc ứng xử, xây dựng trường học hạnh phúc; lớp học hạnh phúc.

- Triển khai tốt mô hình “Cổng trường an toàn - Văn minh”; an toàn an ninh, phòng cháy chữa cháy, cứu hộ cứu nạn. Thực hiện tốt công tác phòng chống tai nạn thương tích trong trường học, không có tình trạng bạo lực học đường, không có CBGV-NV vi phạm đạo đức nhà giáo.

- Thực hiện hiệu quả việc bảo vệ môi trường, giảm thiểu việc sử dụng sản phẩm nhựa dùng 1 lần, phân loại rác thải nhựa trong nhà trường. Các lớp đều có những sản phẩm sáng tạo, độc đáo như: Đồ chơi, trang phục,…

- Xây dựng và triển khai nghiêm túc kế hoạch công tác y tế trường học; công tác phòng chống dịch bệnh, đặc biệt là dịch bệnh Covid-19.

- Học sinh đều được theo dõi thân nhiệt, trang bị kiến thức về công tác phòng, chống dịch bệnh; được khám sức khỏe 1 lần vào tháng 10/2021.

***2.10. Công tác nhân đạo từ thiện***

- Tổng số có 64 học sinh có hoàn cảnh khó khăn, tổng kinh phí tặng học sinh trong cả năm học là: 33.514.000 đồng; tặng quà cho 81 học sinh khó khăn ngày Tết Thiếu nhi 1/6 : 36.450.000 đồng.

- Nhà trường đã phối kết hợp với Công ty Liên Việt Xanh, Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam chi nhánh Hải Phòng, Ngân hàng Agribank và các mạnh thường quân tặng quà cho HS có hoàn cảnh khó khăn trị giá 170.970.000 đồng.

- 01 HS được tặng 01 máy tính bảng trong chương trình “Sóng và máy tính cho em” của Sở GD&ĐT Hải Phòng và nhà mạng Viettel.

**3. Việc đổi mới phương pháp, hình thức dạy học**

***3.1. Các hoạt động chuyên môn***

***\* Đổi mới phương pháp dạy học:***

- Dạy và học theo hướng lấy học sinh làm trung tâm, phát triển năng lực cá nhân của học sinh phù hợp với nội dung, đối tượng giáo dục, phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo, năng lực tự học của học sinh.

- Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá. Nâng cao ý thức trách nhiệm, tay nghề chuyên môn đối với giáo viên. Tăng cường tổ chức kiểm tra, đánh giá các hoạt động giáo dục đảm bảo khách quan, công bằng.

- Tiếp tục thực hiện đổi mới phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục học sinh theo quan điểm giáo dục “lấy học sinh làm trung tâm”. Vận dụng kỹ thuật dạy học hiện đại, dạy học định hướng phát triển năng lực học sinh. Triển khai giáo dục khởi nghiệp, văn hóa đọc, giáo dục STEM cho học sinh.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục đức - trí - thể - mỹ, rèn kỹ năng sống, giá trị sống, các hoạt động ngoại khóa, các sân chơi theo hướng tăng cường hoạt động trải nghiệm, sáng tạo, phù hợp với yêu cầu phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh và điều kiện thực tế của địa phương. Tăng cường giáo dục học sinh lao động tập thể, giữ gìn cảnh quan, vệ sinh nhà trường.

***\* Thực hiện chương trình thời khóa biểu***

- Chương trình thời khóa biểu: 100% giáo viên thực hiện nghiêm túc chương trình thời khóa biểu theo công văn số 1290/SGDĐT-TH ngày 13/9/2018 đối với lớp học 1 buổi/ngày và lớp học 2 buổi/ngày.

***\* Cán bộ, giáo viên tham gia thi giáo viên dạy giỏi các cấp:***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Cấp** | **Môn** | **Kết quả** | **Ghi chú** |
| 1 | **Trường** | GV dạy giỏi | 59/59 GV đạt 100% |  |
| GV viết chữ đẹp | 59/59 GV đạt 100% |  |
| 2 | **Quận** | Viết về những  kỷ niệm sâu sắc về thầy cô và mái trường mến yêu | - GV: 49 giải (5 Nhất, 5 Nhì, 12 Ba, 27 Khuyến khích) |  |
| GV làm TPT Đội | 1 GV TPT Đội được công nhận GV TPT Đội giỏi cấp quận |  |

***\* Kiểm tra hồ sơ, đánh giá tay nghề giáo viên***

- Tổng số GV đứng lớp: 59 đ/c

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **Tổng số**  **GV** | **Kiểm tra chuyên môn** | | **Kiểm tra hồ sơ** | |
| **Tốt** | **Khá** | **Tốt** | **Khá** |
| 1 | 13 | 7 | 6 | 9 | 4 |
| 2 | 13 | 6 | 7 | 7 | 6 |
| 3 | 9 | 8 | 1 | 8 | 1 |
| 4 | 11 | 8 | 3 | 8 | 3 |
| 5 | 8 | 8 | 0 | 8 | 0 |
| Năng khiếu - Tự chọn | 5 | 4 | 1 | 4 | 1 |
| **Tổng** | **59** | **41** | **18** | **44** | **15** |

***\* Kết quả học sinh tham gia giao lưu, hội thi các cấp:***

***- Cấp quận:*** ***49 giải (4 Nhất, 6 Nhì, 14 Ba, 25 KK):***

+ Vẽ tranh “Thành phố Hoà Bình – Peaceful Towns”: 20 giải (2 Nhất, 3 Nhì, 8 Ba, 7 khuyến khích).

+ Sơn ca: 02 Nhất.

+ Viết về những kỷ niệm sâu sắc về thầy cô và mái trường mến yêu: 24 giải HS (2 Nhì, 4 Ba, 18 KK). 3 giải phụ huynh: (1 Nhì, 2 Ba)

***- Cấp Thành phố: 9 giải ( 1 Nhất, 2 Nhì, 4 Ba, 2 KK):***

+ Vẽ tranh trẻ em do Thư viện thành phố Ninh Ba, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc tổ chức “Năm hổ dũng mãnh như Hổ”: 01 giải Ba.

+ Vẽ tranh thiếu nhi hè: 1 giải Khuyến khích.

+ Cây đàn tuổi thơ: 2 giải (1 Ba, 1 Khuyến khích).

+ Sơn ca: 2 giải Nhì

+ Dẫn chương trình (MC): 2 giải Ba

+ Giải cờ vua trực tuyến các nhóm tuổi mở rộng năm 2021: 01 giải Nhất

***- Cấp Quốc gia: 7 giải (2 Xuất sắc, 1 HC Vàng, 3 HC Bạc, 1 HC Đồng):***

+ 2 giải Xuất sắc cuộc thi “Sáng tác khẩu hiệu Doremon với an toàn giao thông”.

+ Giải vô địch cờ vua MB: 3 giải (02 HC Bạc, 1 HC Đồng).

+ Giải vô địch cờ vua cúp CLB quốc gia năm 2021: 02 giải (1 HC Vàng, 1 HC Bạc).

***3.2. Đổi mới công tác chỉ đạo dạy học, đổi mới phương pháp dạy học.***

- 100% giáo viên vận dụng linh hoạt các thành tố tích cực vào giảng dạy các môn học trong chương trình hiện hành và chương trình giáo dục phổ thông 2018.

***3.3. Thực hiện đánh giá kết quả của học sinh theo thông tư 22/2016/TT-BGDĐT và Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT.***

- 100% giáo viên đã có kỹ năng nhận xét, đánh giá học sinh theo Thông tư 22, Thông tư 27.

- Biết sử dụng thường xuyên các câu hỏi phân loại học sinh theo 4 mức độ

***\* Đổi mới kiểm tra đánh giá:***

***-*** Đối với học sinh lớp 1,2 thực hiện theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, được đánh giá theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 dựa trên nguyên tắc: Đánh giá học sinh thông qua đánh giá mức độ đạt được theo yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của từng môn học, hoạt động giáo dục và những biểu hiện phẩm chất, năng lực của học sinh theo yêu cầu cần đạt của chương trình; thực hiện đánh giá sự tiến bộ và vì sự tiến bộ của học sinh.

- Đối với học sinh lớp 3, 4, 5 thực hiện theo Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành tiếp tục đánh giá theo quy định tại Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh Tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

- Đối với học sinh khuyết tật thực hiện đánh giá theo Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Những lớp có học sinh học hòa nhập GVCN lập kế hoạch giáo dục cá nhân, hồ sơ theo dõi hàng năm với từng học sinh, có bài kiểm tra, đánh giá định kỳ riêng theo kế hoạch giáo dục cá nhân; tùy theo dạng tật, mức độ khuyết tật mà học sinh được miễn một phần, một số nội dung, một số môn học với mục tiêu giúp học sinh khuyết tật được tương tác cùng bạn bè, các em hòa nhập và yêu cuộc sống. Các bài kiểm tra, đánh giá học sinh khuyết tật lưu trong hồ sơ phổ cập của nhà trường.

**4. Việc bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục**

- Rà soát trình độ, đội ngũ giáo viên. xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn tạo điều kiện cho 07 cán bộ, giáo viên học tập bồi dưỡng nâng chuẩn (Tổng số: Cao học: 6: ĐH: 01), cụ thể:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Năm sinh** | **Trình độ chuyên môn** | **Đang học nâng chuẩn**  ***(trường, thời gian học, thời gian kết thúc)*** |
|  | Trần Thị Minh Huệ | 06/01/1971 | ĐH Giáo dục  Tiểu học | Thạc sĩ Giáo dục Tiểu học. Dự kiến tốt nghiệp: T8/2023 |
|  | Nguyễn Thu Hương | 16/12/1982 | ĐH Giáo dục  Tiểu học | Thạc sĩ Giáo dục Tiểu học. Dự kiến tốt nghiệp: T8/2023 |
|  | Vũ Thị Thuần | 17/10/1976 | ĐH Giáo dục  Tiểu học | Thạc sĩ Giáo dục Tiểu học. Dự kiến tốt nghiệp: T8/2023 |
|  | Hà Quỳnh Anh | 04/08/1993 | ĐH Giáo dục  Tiểu học | Thạc sĩ Giáo dục Tiểu học. Dự kiến tốt nghiệp: T8/2023 |
|  | Trần Thị Thanh Dung | 24/8/1997 | ĐH Giáo dục  Tiểu học | Thạc sĩ Giáo dục Tiểu học. Dự kiến tốt nghiệp: T8/2023 |
|  | Trần Thị Phương Dung | 05/9/1996 | ĐH Giáo dục  Tiểu học | Thạc sĩ Giáo dục Tiểu học. Dự kiến tốt nghiệp: T8/2023 |
|  | Trần Diệu Linh | 26/11/1992 | CĐSP  Tiểu học | ĐH Giáo dục Tiểu học  Dự kiến tốt nghiệp T12/2022 |

- Nâng cao chất lượng các buổi sinh hoạt chuyên môn.

- Tăng cường dự giờ, kiểm tra các hoạt động chuyên môn. Tăng cường dự giờ các đ/c gv trẻ, có biện pháp nâng cao trình độ tay nghề đảm bảo khách quan, công bằng.

- Tổ chức lên lớp chuyên đề: Các tổ, khối chuyên môn đăng ký nội dung chuyên đề xây dựng kế hoạch và triển khai. Sau mỗi chuyên đề, BGH, tổ chuyên môn đánh giá rút kinh nghiệm, trọng tâm là các nội dung sáng tạo , đổi mới phương pháp, tích hợp các môn học, lồng ghép giáo dục kỹ năng sống, vận dụng linh hoạt kỹ thuật dạy học phù hợp với đối tượng học sinh tạo không khí lớp học nhẹ nhàng, HS tự tin. Thực hiện đổi mới phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục học sinh theo quan điểm giáo dục lấy học sinh làm trung tâm; phát huy tính tích cực chủ động sáng tạo của học sinh;. Vận dụng kỹ thuật dạy học hiện đại, dạy học định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.

+ Thực hiện phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể, lựa chọn những đồng chí có đủ năng lực, đủ lòng nhiệt tình, có đạo đức, tư vưởng vững vàng giữ cương vị tổ trưởng và cốt cán chuyên môn.

+ Chỉ đạo giáo viên tham gia các lớp học (tập huấn) bồi dưỡng của Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT sau đó triển khai tới 100% GV toàn trường.

- Bồi dưỡng tại chỗ:

+ Tiếp tục thực hiện bồi dưỡng 08 Modul còn lại về CT GDPT 2018 theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT.

+ Chỉ đạo các Tổ chuyên môn triển khai chuyên đề, hội thảo chuyên môn cấp trường, quận, thành phố; thực hiện nhân rộng những ý tưởng hay, kinh nghiệm tốt áp dụng trong công tác dạy và học.

- Giáo viên tự nguyện tham gia Hội thi Giáo viên dạy giỏi Tiểu học cấp quận, tạo môi trường học tập, chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn cho giáo viên.

- Xây dựng kế hoạch và triển khai bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ giáo viên dạy lớp 3 chuẩn bị cho năm học 2022-2023. Chọn cử đội ngũ giáo viên cốt cán đảm bảo số lượng và chất lượng để thực hiện kế hoạch bồi dưỡng giáo viên của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT và Phòng GD&ĐT.

- Các chuyên đề đã triển khai và thực hiện, cụ thể:

**- Cấp trường**

| **Thời gian** | **Tên chuyên đề** | **Đơn vị**  **thực hiện** | **Kết quả thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- |
| T9/2021 | Dạy học phát huy tính tích cực, chủ động cho HS trong môn Toán | Khối 4 | Xuất sắc |
| T10/2021 | Nâng cao năng lực hợp tác cho học sinh lớp 3 trong môn Tập đọc - kể chuyện | Khối 3 | Xuất sắc |
| T12/2021 | Dạy học Tiếng Anh theo định hướng phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh | Tiếng Anh | Xuất sắc |
| T1/2022 | Tích hợp kiến thức các môn học trong Hoạt động trải nghiệm lớp 1 | K1 | Xuất sắc |
| T2/2022 | Nâng cao kĩ năng làm việc cá nhân, nhóm cho học sinh trong học tập môn Toán | K5 | Xuất sắc |
| T3/2022 | Đổi mới phương pháp và hình thức dạy học Mĩ thuật nhằm phát triển năng lực cho học sinh lớp 1. | Mĩ thuật | Xuất sắc |
| T4/2022 | Nâng cao hứng thú họcTiếng Anh cho học sinh Tiểu học | Tiếng Anh | Xuất sắc |

**- Cấp quận**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Tên chuyên đề** | **Đơn vị**  **thực hiện** | **Kết quả**  **thực hiện** |
| 29/4/2022 | Dạy học phát triển năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo cho học sinh lớp 2 thông qua hoạt động ôn tập môn Tiếng Việt | Khối 2 | Xuất sắc |

**\* Cấp trường**: Tổng số chuyên đề đã thực hiện là 7 chuyên đề.

**\* Cấp quận**: 01 chuyên đề được Phòng GD&ĐT quận Hải An đánh giá cao.

- SHCM tại trường :

+ 100% giáo viên đều thực hiện SHCM tại trường 3 buổi/tháng.

+ Tổng số tiết (bài) được thực hiện là: 45 tiết (bài) xếp loại Tốt: 45 tiết.

***- Ưu điểm:***

+ 100% các tiết lên lớp đều chú trọng tới việc đổi mới phương pháp: Dạy học theo hướng phát triển năng lực của học sinh, sử dụng đồ dùng, hoạt động nhóm, phương pháp dạy học cá nhân.

***- Tồn tại:***

+ Một số giáo viên còn đến sát giờ SHCM.

**+** Một số nội dung SHCM chưa bám sát vào chương trình giảng dạy.

**5. Đối với công tác quản lý giáo dục tiểu học.**

* Phân công nhiệm vụ theo đúng chức năng

+ Chủ động xây dựng và triển khai các kế hoạch hoạt động giáo dục của nhà trường.

+ Tự kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm, điều chỉnh, chịu trách nhiệm trước cấp trên về kết quả của các hoạt động giáo dục.

- Thực hiện 3 công khai, 3 kiểm tra.

+ Thực hiện nghiêm túc: Nội dung, hình thức, thời điểm công khai.

- Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin:

+ 100% các hoạt động giáo dục đều có ứng dụng CNTT: Phần mềm Zoom, Team, khaosat.me, Quizz...

+ Khai thác và sử dụng các phần mềm: cơ sở dữ liệu phổ cập, tài chính...

**6. Công tác phổ cập giáo dục, xây dựng trường chuẩn quốc gia**

***6.1. Công tác phổ cập giáo dục***

- Kết quả công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2021: Phổ cập GDTH đạt mức độ 3; XMC đạt mức độ 2.

* Công tác triển khai năm 2022: Tiếp tục thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục.

***6.2.Công tác xây dựng trường chuẩn***

- Bổ sung thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu theo Thông tư 05/2019/TT-BGDĐT.

- Sửa chữa dãy nhà A và bổ sung một số trang thiết bị trong các phòng học.

**7. Công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19.**

- Tổ chức tiêm phòng vắc xin COVID-19 cho trẻ em đủ 12 tuổi: 06 HS (trong đó: 04 HS đã tiêm mũi 2, 02 HS đã tiêm mũi 1); trẻ em từ 6 đến 11 tuổi: Tổng số HS đủ điều kiện đăng ký tiêm mũi 1: 410 HS. Tổng số học sinh được tiêm mũi 1: 317 HS/2145 HS đạt tỉ lệ 14,7%. Trong quá trình tiêm vắc xin không xảy ra triệu chứng bất thường về sức khỏe đối với HS.

- Các hoạt động truyền thông, chăm sóc, giáo dục sức khỏe được lồng ghép trong các tiết giáo dục tập thể, các tiết tự nhiên và xã hội...

***- Dạy học trực tuyến*** *(khi phường Cát Bi tương ứng với vùng màu đỏ, cam)*

+ Thực hiện dạy học trực tuyến cho 100% học sinh khối 1,2,3,4,5 và học 5 buổi/tuần, mỗi buổi không quá 3 tiết. Không dồn chương trình mà dạy “kiến thức cốt lõi’’ và đan xen luyện tập, hướng dẫn học sinh tự học để hoàn thành chương trình của mỗi tuần.

+ Dạy lồng ghép nội dung Chương trình an toàn giao thông cho nụ cười trẻ thơ. Đối với K1: 5 tiết/học kỳ; K2,3,4,5: 3 tiết/học kỳ.

+ Không tổ chức dạy học các môn liên kết: KNS, TANN, Tin học.

+ Với những HS không đủ điều kiện học trực tuyến, GVCN kết hợp với GVBM xây dựng phương án hỗ trợ HS phù hợp, báo cáo BGH.

+ Dạy học trực tuyến trên các phần mềm Microsoft Teams, Zoom, Google Meet,….

+ Hướng dẫn học sinh tự học, củng cố kiến thức bài học trên phần mềm *Onluyen.vn, khaosat.me, Quuzzic, Zalo,……*tất cả các khối.

**III.** **CÔNG TÁC CHUẨN BỊ VIỆC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018**

1. Quyết định thành lập Ban chỉ đạo triển khai đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018; phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

2. Xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

3. Xây dựng, triển khai kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, giáo viên.

4. Thực hiện việc lựa chọn sách giáo khoa.

**IV. ĐÁNH GIÁ VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2021-2022**

**1.** **Thuận lợi:**

- Thực hiện các hoạt động giáo dục theo đúng sự chỉ đạo, đúng kế hoạch.

- Đội ngũ hăng say, nhiệt huyết thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

- Thực hiện tốt công tác tham mưu, được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của lãnh đạo các cấp.

**2. Khó khăn**

- Tỷ lệ học sinh/lớp đông 2143 HS/45 lớp (47,6 hs/ lớp); số học sinh 2 buổi/ngày thấp (37,8%).

**3. Những hạn chế, tồn tại**

- Do dịch bệnh Covid-19 kéo dài, HS nghỉ học để phòng, chống dịch bệnh Covid-19 nên các hoạt động ngoài giờ lên lớp còn hạn chế.

- Diện tích sân chơi nhỏ, hẹp nên học sinh thiếu không gian để chơi các trò chơi dân gian và luyện tập các môn TDTT: Đá cầu, bóng bàn, điền kinh, cầu lông,…

- Tỷ lệ học sinh tiêm phòng vắc xin phòng COVID-19 còn thấp.

**4. Giải pháp:**

- Tiếp tục tuyên truyền tới 100% PHHS về việc tiêm phòng vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ em từ 6 đến 11 tuổi.

**V. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM HỌC 2022-2023**

**1. Thực hiện các Chỉ thị, các cuộc vận động, các phong trào thi đua**

**2. Thực hiện chương trình và kế hoạch giáo dục:** Đảm bảo đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và an toàn trường học.

***2.1. Việc thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục***

Tiếp tục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông của Bộ GD&ĐT ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006, đối với lớp Một, lớp Hai, lớp Ba thực hiện theo Chương trình GDPT 2018.

***2.2. Thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư 22, Thông Tư 27***

***2.3.Triển khai dạy học các môn tự chọnTiếng Anh, Tin học phù hợp với thực tế.***

***2.4. Thực hiện giáo dục đối với trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn***

***2.5. Triển khai dạy học 2 buổi/ngày.***

- 18/46 lớp (39%)

***2.6. Tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động ngoài giờ chính khóa, các hoạt động phát triển năng lực cho học sinh.***

- Kiện toàn Ban chỉ đạo và xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với thực tế, đảm bảo yêu cầu.

**3. Bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên**

- Nâng cao nhận thức, cập nhật nghiên cứu kỹ các văn bản hướng dẫn để triển khai kịp thời, hiệu quả**.**

**4. Thực hiện phổ cập giáo dục, xây dựng trường chuẩn quốc gia**

- Huy động 100% trẻ 6 tuổi trên địa bàn ra lớp.

- Không có học sinh bỏ học

**5. Các công tác khác**

- Tích cực tham gia các lớp tập huấn về giảng dạy chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3.

- Thực hiện kế hoạch hoạt động hè, bàn giao học sinh về địa phương và kế hoạch tuyển sinh lớp 1 theo đúng văn bản hướng dẫn của các cấp.

- Sửa chữa dãy nhà A và bổ sung một số trang thiết bị trong các phòng học.

- Bố trí lao động theo đúng quy định, phân công nhiệm vụ đúng người, đúng việc, hiệu quả cao.

- Nghiêm túc trong việc kiểm tra, đánh giá, xếp loại CBGV-NV để bố trí sắp xếp công việc phù hợp.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận:**  - Phòng GD&ĐT;  - UBND phường Cát Bi;  - Lưu: VT. | **HIỆU TRƯỞNG**  **Phạm Thị Thúy Hải** |